

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3715/2023/DS-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương
2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 1228/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4495/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5425/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H1

Trụ sở: Số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà TNR - Số 108 - 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1983 và ông Phạm Văn T1, sinh năm 1984, địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà T - Số A - A N,

Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP H1 (Giấy ủy quyền số 6111/2022/GUQ-TGDD ngày 18/8/2022) (có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông Hà Trần Anh T2, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 079078000313 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2016

Địa chỉ: Số A Đường A, Tổ D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 20/12/2016, Ngân hàng TMCP H1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông H Trần Anh T2 đã ký kết Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV có nội dung Ngân hàng cho ông T2 vay số tiền 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 19%/ năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Phương thức trả nợ: Gốc lãi trả hàng tháng; Mục đích vay: Mua sắm đồ gia dụng và sửa chữa nhà ở;

Thực hiện Hợp đồng: Ngày 20/12/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H Trần Anh T2 theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV với số tiền 200.000.000 đồng.

Ông Hà Trần Anh T2 đã thanh toán được 36.161.203 đồng nợ gốc và 38.412.237 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày 20/12/2018, ông H Trần Anh T2 không thanh toán bất kỳ khoản gốc lãi nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H Trần Anh T2 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 427.064.051 đồng trong đó nợ gốc là 163.838.797 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 11/5/2023 là 163.879.394 đồng.

Ông H Trần Anh T2 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ký ngày 20/12/2016 và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông Hà Trần Anh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng ông T2 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về nội dung giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Ông Võ Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông H Trần Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 yêu cầu ông H Trần Anh T2 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 15/9/2023 là 433.183.095 đồng trong đó nợ gốc là 163.838.797 đồng, lãi 279.344.298 đồng.

Ông H Trần Anh T2 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ký ngày 20/12/2016 và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí, chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H Trần Anh T2 hiện cư trú tại thành phố T, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 do ông Võ Minh T và ông Phạm Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông H Trần Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T2.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ngày 20/02/2016 giữa Ngân hàng TMCP H1 và Hà Trần Anh T2 thì Ngân hàng cho ông T2 vay số tiền 200.000.000đồng. Mục đích vay: Mua sắm đồ gia dụng và sửa chữa nhà ở.

Theo Khế ước nhận nợ số 1570720.1/2016/CVCN, ngày 20/12/2016 thì ngày nhận nợ là ngày 20/12/2016, hình thức rút vốn: chuyển vào tài khoản của ông Hà Trần Anh T2 số tài khoản: 04201015936793 mở tại M. Trả nợ thành 60 kỳ vào ngày 06 hàng tháng, kỳ đầu tiên vào ngày 06/01/2017, mỗi kỳ thanh toán 5.188.110đồng, kỳ cuối cùng trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại.

Thực hiện hợp đồng, ngày 20/12/2016, Ngân hàng TMCP H1 đã chuyển số tiền 200.000.000đồng vào số tài khoản: 04201015936793 của ông H Trần Anh T2 mở tại M theo Khế ước nhận nợ và giấy đề nghị rút vốn cùng ngày 20/12/2016.

Thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông H Trần Anh T2: Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 11/4/2017 ông H Trần Anh T2 thanh toán đủ số tiền thỏa thuận theo hợp đồng mỗi kỳ là 5.188.110 đồng. Từ ngày 12/4/2017 đến ngày 13/12/2017 ông H Trần Anh T2 không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào. Từ ngày 16/8/2017 ông T2 thanh toán mỗi kỳ 5.000.000đồng, ngày 26/4/2017 thanh toán 3.821.000 đồng. Từ ngày 05/10/2018, ông T2 không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng.

Như vậy, ông Hà Trần Anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng thì

thời hạn vay: 60 tháng từ ngày 20/12/2016 đến 20/12/2021, đã hết thời hạn vay ông H Trần Anh T2 không thanh toán đầy đủ các khoản phải trả cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H Trần Anh T2 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn chưa thanh toán là phù hợp quy định của pháp luật.

Về số tiền nợ gốc: Theo sao kê tài khoản thì ngày 20/12/2016, Ngân hàng TMCP H1 đã chuyển số tiền 200.000.000đồng vào số tài khoản 04201015936793 của ông H Trần Anh T2 mở tại M theo Khế ước nhận nợ và giấy đề nghị rút vốn cùng ngày 20/12/2016 của ông H Trần Anh T2. Sau khi nhận tiền giải ngân thì ông T2 chỉ thanh toán được 13 kỳ nợ gốc với tổng số tiền là 36.161.203đồng. Như vậy, ông H Trần Anh T2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 163,838,797 đồng.

Về nợ lãi, theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì lãi suất là 19%/01 năm. Lãi suất cho vay sẽ được giữ cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, trừ trường hợp được Ngân hàng quyết định thay đổi theo từng thời điểm.

Theo bảng thống kê tình hình giao dịch vay tiền do Ngân hàng cung cấp thì: Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 11/4/2017 ông H Trần Anh T2 thanh toán đủ số tiền thỏa thuận theo hợp đồng là 5.188.110 đồng. Từ ngày 12/4/2017 đến ngày 13/12/2017 ông H Trần Anh T2 không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào. Theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ngày 20/02/2016 thì các khoản nợ gốc, lãi, phí và nợ khác được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một trong các sự kiện trong đó có sự kiện ông H Trần Anh T2 không thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, phí theo đúng thời hạn đã thỏa thuận. Từ ngày 12/4/2017 ông Hà Trần Anh T2 đã không thanh toán nợ gốc lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Vì vậy, Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay sang lãi quá hạn kể từ ngày 12/4/2017 là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng.

Về tiền lãi trong hạn: Theo Hợp đồng tín dụng thì lãi suất 19%/01 năm, ngân hàng tính lãi suất trong suốt quá trình vay đối với ông T2 là 19%/01 năm. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng thì Tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ gốc giảm dần và số ngày vay thực tế, trên cơ sở một năm có 360 ngày.

Số tiền lãi trong hạn được tính trên dư nợ giảm dần x 19%/360 ngày x số ngày tính lãi. Theo cách tính trên số tiền lãi trong hạn theo dư nợ giảm dần từ ngày 07/01/2017 đến 11/4/2017 là 11.526.732 đồng.

Đối với tiền lãi quá hạn: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay thì lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn sẽ là 28,5%/01 tháng. Tiền lãi quá hạn được tính trên dư nợ giảm dần x 28,5%/360 ngày x số ngày quá hạn tính từ ngày 12/4/2017 đến ngày 15/9/2023. Theo cách tính trên thì lãi quá hạn là 308.494.194 đồng.

Tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn ông T2 phải trả là 320.020.927 đồng. Ông T2 đã thanh toán được cho Ngân hàng 38.417.118 đồng nợ lãi. Như vậy, ông T2 còn phải thanh toán thêm 281.603.809 đồng tiền nợ lãi.

Ngân hàng TMCP H1 yêu cầu ông T2 thanh toán số tiền lãi đến ngày 15/9/2023 là 279.344.298 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà ông H Trần Anh T2 phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 15/9/2023 là: Nợ gốc 163.838.797 đồng + nợ lãi 279.344.298 đồng = 433.183.095 đồng.

Từ những phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 về việc yêu cầu Hà Trần Anh T2 thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 433.183.095 đồng trong đó nợ gốc là 163.838.797 đồng, lãi 279.344.298 đồng.

Từ ngày 16/9/2023, ông H Trần Anh T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ngày 20/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 1570720.1/2016/ CVCN, ngày 20/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở

Án phí dân sự sơ thẩm ông ông H Trần Anh T2 phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 299 Bộ luật Dân sự 2005;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Phí, lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1

Buộc ông H Trần Anh T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 số tiền 433.183.095 đồng trong đó nợ gốc là 163.838.797 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/9/2023 là 279.344.298 đồng theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ngày 20/02/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H Trần Anh T2 còn phải chịu tiền lãi theo Hợp đồng cho vay số 1570720/2016/HĐCV ngày 20/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 1570720.1/2016/ CVCN, ngày 20/12/2016 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Trần Anh T2 phải nộp số tiền 21.727.324 (hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm hai mươi bốn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.666.804 đồng theo Biên lai thu số 0007105 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Thanh